

Bản án số: 623/2024/DS-ST

Ngày: 23-8-2024

V/v Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, TP. HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Dũng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Trần Thị Nga

Bà Nguyễn Thị Nguyên

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Thanh Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 490/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2024 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 552/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 461/2024/QĐST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1982; địa chỉ: tổ B, ấp B, xã T, huyện B, TP. Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp H, xã B, huyện B, TP. Hồ Chí Minh (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Đơn khởi kiện, các bản tự khai, các tài liệu khác trong quá trình tố tụng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bao gồm:

Vào ngày 04/01/2023, bà Nguyễn Thị C có vay của ông Nguyễn Thanh V số tiền là 380.000.000 đồng hai bên có giao kết và ký hợp đồng vay vào cùng ngày, thời gian vay là từ ngày 04/01/2023 đến khi bà Nguyễn Thị C ngừng trả lãi thì ông Nguyễn Thanh V phải thu tiền gốc và lãi về, với lãi suất 1%/ tháng theo Hợp đồng vay tiền ngày 04/01/2023. Hai bên có giao kết là bà C phải trả tiền lãi cho

ông V vào ngày 04 dương lịch của mỗi tháng, tuy nhiên bà C không thực hiện trả tiền lãi cho ông V kể từ lúc vay tiền, ông V có liên hệ để nhắc nhở trả tiền lãi và tiền gốc như hợp đồng đã giao kết thì bà C đã cố tình lẩn tránh và không thực hiện tại Điều 02 đã ký trong hợp đồng vay tiền.

Do đó, ông Nguyễn Thanh V khởi kiện: Yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị C trả lại cho ông V số tiền 448.400.000 đồng, trong đó, số tiền gốc là 380.000.000 đồng và số tiền lãi chậm trả của 18 tháng từ ngày 04/01/2023 – 04/07/2024 với lãi suất 1%/tháng theo hợp đồng vay tiền trên số tiền gốc ở trên là 68.400.000 đồng.

Phía bị đơn bà Nguyễn Thị C đã được Tòa án nhân dân huyện B thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập để lấy lời khai, triệu tập để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung vụ án.

Tại phiên tòa:

Phía nguyên đơn ông Nguyễn Thanh V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện B nhận thấy có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh V. Về án phí: đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: ông Nguyễn Thanh V khởi kiện bà Nguyễn Thị C yêu cầu bà C phải trả nợ gốc và lãi theo Hợp đồng vay tài sản đã được ký kết và thực hiện giữa ông Nguyễn Thanh V và bà Nguyễn Thị C. Bà Nguyễn Thị C cư trú tại huyện B, TP. Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B.

[2] Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự: Bà Nguyễn Thị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị C theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

[4] Căn cứ Hợp đồng vay tiền ngày 04/01/2023 giữa ông Nguyễn Thanh V và bà Nguyễn Thị C thì có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị C đã vay của ông Nguyễn Thanh V số tiền 380.000.000 đồng, với lãi suất 1%/ tháng. Ông Nguyễn Thanh V và bà Nguyễn Thị C có giao kết về việc bà C phải trả tiền lãi cho ông V vào ngày 04 dương lịch mỗi tháng. Tuy nhiên từ thời điểm vay tiền đến nay, bà C đã không trả tiền lãi cho ông V theo thỏa thuận, ông V đã nhiều lần nhắc nhở trả tiền lãi và tiền gốc như hợp đồng đã giao kết thì bà C đã cố tình lẩn tránh và không thực hiện việc trả tiền như đã giao kết trong hợp đồng.

[5] Xét yêu cầu của ông Nguyễn Thanh V: Ông V xác định số tiền mà bà Nguyễn Thị C còn nợ ông là 448.400.000 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 380.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi, ông V xác định chỉ yêu cầu bà C trả lãi của 18 tháng tính trên số tiền gốc với lãi suất 1%/tháng với tổng số tiền là 68.400.000 đồng. Xét thấy, tính đến ngày xét xử sơ thẩm, số tiền lãi mà bà C lẽ ra phải trả cho ông V được xác định là  $380.000.000 \times 1\% \times 20 \text{ tháng} = 76.000.000$  đồng. Mặc dù ông V xác định số tiền lãi mà bà C phải trả không phù hợp với thỏa thuận trong Hợp đồng vay tiền ngày 04/01/2023 giữa hai bên, nhưng số tiền lãi mà ông V yêu cầu thấp hơn số tiền lãi mà bà C lẽ ra phải trả. Xét thấy đây là sự tự nguyện của ông Nguyễn Thanh V và có lợi cho bà Nguyễn Thị C nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện B đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập bà Nguyễn Thị C đến tham gia tố tụng, tổng đạt kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Nguyễn Thị C nhưng bà Nguyễn Thị C vắng mặt, không phản đối các chứng cứ mà phía ông Nguyễn Thanh V cung cấp. Do đó, có căn cứ xác định số tiền mà bà Nguyễn Thị C phải trả cho ông V là: 448.400.000 đồng, trong đó, số tiền gốc là 380.000.000 đồng và số tiền lãi là: 68.400.000 đồng.

[7] Án phí: Do yêu cầu của phía nguyên đơn được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 24, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh V

Buộc bà Nguyễn Thị C phải trả cho ông Nguyễn Thanh V số tiền phát sinh từ Hợp đồng vay tiền ngày 04/01/2023 là 448.400.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 380.000.000 đồng và số tiền lãi chậm trả là 68.400.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 1%/tháng.

## 2. Án phí:

Bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.936.000 đồng.

Trả lại cho ông Nguyễn Thanh V số tiền tạm ứng án phí là 10.360.000 đồng theo Biên lai số: 0033972 ngày 03/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, TP. Hồ Chí Minh.

3. Ông Nguyễn Thanh V, bà Nguyễn Thị C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

### **Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND huyện B, TP.HCM;
- Chi cục THADS huyện B, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Xuân Dũng**